

*Chú ý* :— Vị trí khóa Khô Khốc là mốc để đánh số các huyết Bí Huyền.

— Khóa Khô Khốc 1 khi huyết áp bình thường.

— Khóa Khô Khốc 2 khi huyết áp hơi cao.

— Khóa Khô Khốc 3 khi huyết áp cao.

— Khi huyết áp thấp quá không bấm huyết.

15. KHÔ KHỐC GIỮA : Đỉnh nhọn mắt cá trong (chính giữa).

*Công năng* : Làm giật (Tả Hậu môn).

*Chữa* : Bí đại.

16. KHÔ LÂN : Chân trái, nằm bờ nước ngoài, cạnh bờ cơ may, tức là 1/3 dưới trước ngoài xương đùi.

*Công năng* : — Khóa Khí Trung, bấm điểm Khô Lân thì chân tê liệt sẽ đưa lên cao.

— Khóa Khô Lân, bấm dây Khu Trung thì cả móng, chân trái đưa lên.

17. KHÔ LƯU : Điểm 1/3 trên đường nối kẻ từ trên mắt cá trong tới bờ ngoài móng chân cái.

*Chữa* : Môi vênh cong không mím được.

Lưng cúi ngửa không tự chủ.

18. KHÔ MINH : Mắt cá trong xuống 2 khoát, ra sau 1 khoát.

*Công năng* : Làm mềm gân Tả Hậu môn.

Làm chân lắc trong ngoài.

19. KHÔ THỐN : Đỉnh mào chậu xuống 4 khoát.

*Công năng* : Làm duỗi chân. Giãn cơ chéo bụng gây phình bụng.

20. KHÔ THỐNG : Chân phải đỉnh mắt cá trong, xuống 3 khoát.

*Chữa* : Cổ chân bong gân.

21. KHÔI THỂ : Chân trái, nằm giữa rãnh xương chày, xương mác, cách Khô Khốc 3 lên 2 khoát (tức khu mắt cá ngoài).

*Công năng* : Chữa phong tê thấp, chảy rãi.

22. KHU CHÈ : Gai chậu trước trên của cánh xương chậu bên phải.

*Chữa* : Sai khớp háng cùng bên.